

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: Ngôn Ngữ Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: NGỮ PHÁP 2

Tên tiếng Anh: GRAMMAR 2

Mã học phần: DNN210

Môn học thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

2. Giảng viên giảng dạy

- **Giảng viên phụ trách môn học:** PHAN HỮU HẠNH & ĐƯỜNG THANH HÙNG ĐỨC

- **Địa chỉ cơ quan:** 45 Nguyễn Khắc Nhu, phường Cô Giang, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;

- **Email:** duongthanhhungduc@vanlanguni.edu.vn

- **Địa điểm học:** cơ sở 1, Đại học Văn Lang, 45 Nguyễn Khắc Nhu, phường Cô Giang, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

-**Thời gian học:**

Giảng viên	Thứ	Lớp	Giờ học	Phòng học
PHAN HỮU HẠNH	Ba	K22N3	7h-9h40'	605A
	Ba	K22N5	9h45'-12h25'	605A
	Năm	K22N2	7h-9h40'	605A
ĐƯỜNG THANH HÙNG ĐỨC	Tư	K22N4	13h-15h40'	605A
	Tư	K22N1	15h45'-18h25'	605A

- **Cách liên lạc với giảng viên**

Gặp mặt trực tiếp tại Văn Phòng Khoa hoặc qua email.

3. Số tín chỉ: 2

4. Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ nhất

5. Phân bổ thời gian:

+ **Giờ học tại lớp: 40 giờ**

- Nghe giảng lý thuyết và thảo luận tại lớp: 30 giờ;

- Hướng dẫn làm bài tập tại lớp: 10 giờ

+**Giờ sinh viên tự học không có GV hướng dẫn: 80 giờ**

6. Học phần tiên quyết: học phần Grammar 1

7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học

Mục tiêu môn học

- a. Hoàn thiện kiến thức nền tảng của sinh viên về động từ (verbs) mà sinh viên đã học ở học phần tiên quyết (Grammar 1)
- b. Cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về một số từ loại: tính từ (adjectives) và phó từ (adverbs)
- c. Hỗ trợ sinh viên sử dụng ngữ pháp thuần thục và chính xác vào các kỹ năng ngôn ngữ, đặc biệt hai kỹ năng: viết và nói
- d. Nâng cao khả năng tự tìm hiểu một số cấu trúc ngữ pháp của sinh viên

Kết quả dự kiến của môn học/Chuẩn đầu ra môn học

Sau khi học xong môn học, sinh viên có khả năng:

- a. Vận dụng kiến thức đã học về động từ khiếm khuyết, một số lối nói (như: thể bị động (passive voice) và câu hỏi đuôi (tag questions)) và cách (mood) của động từ vào những bài tập, bài kiểm tra và hoàn cảnh cụ thể
- b. Nhận thức được chức năng ngữ pháp-vị trí của tính từ và phó từ trong câu.
- c. Phân biệt một số tính từ và phó từ dễ gây nhầm lẫn.
- d. Phân tích và giải thích được một số điểm ngữ pháp cơ bản có liên quan đến động từ, tính từ và phó từ.
- e. Vận dụng tính từ và phó từ một cách chính xác vào những bài tập, bài kiểm tra và hoàn cảnh cụ thể.

Ma trận tích hợp giữa Chuẩn đầu ra môn học và Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo \ Chuẩn đầu ra của môn học	Chuẩn đầu ra a	Chuẩn đầu ra b	Chuẩn đầu ra c	Chuẩn đầu ra d	Chuẩn đầu ra e
Chuẩn đầu ra về kiến thức (IV.1c: Có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lĩnh vực chuyên ngành ngôn ngữ	x	x	x	x	

Anh)					
Chuẩn đầu ra về kỹ năng cứng (V.1a: Có khả năng sử dụng thành thạo kỹ năng ngôn ngữ)					X
Chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm (V.2c: Biết quản lý nhóm, làm việc nhóm và nghiên cứu các vấn đề ngôn ngữ)					X
Chuẩn đầu ra về thái độ (VI.3: Có tinh thần học hỏi, nâng cao hiệu quả công việc)			X	X	X

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và một số kiến thức chuyên sâu về ba từ loại: động từ, tính từ và phó từ trong Tiếng Anh.

Cụ thể:

+Về động từ: Sinh viên hoàn thiện kiến thức về một số dạng động từ (như danh động từ (Gerund), động từ nguyên mẫu (infinitive), hiện tại phân từ (present participle) và quá khứ phân từ (past participle); động từ khiếm khuyết (modal verbs); lối nói bị động; câu hỏi đuôi; giả định cách (subjunctive mood); và câu điều kiện (conditional sentences).

+Về tính từ: Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu về chức năng-vị trí của tính từ trong câu; trật tự tính từ; phân biệt một số tính từ dễ nhầm lẫn; phép so sánh với tính từ.

+Về phó từ: Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu về chức năng-vị trí của phó từ trong câu; phân biệt một số phó từ dễ nhầm lẫn; phép so sánh với phó từ.

9. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra môn học, hoạt động giảng dạy, phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Phương pháp kiểm tra, đánh giá sinh viên		Chuẩn đầu ra CTĐT
		Phương pháp	Tỷ trọng (%)	
Chuẩn đầu ra a (nắm bắt được ứng dụng của một số điểm ngữ pháp)	-Thuyết giảng và đưa ví dụ minh họa -Xây dựng một số câu hỏi, đồ vui hoặc thảo luận có liên quan đến điểm ngữ pháp của bài	Trả lời miệng	5	Chuẩn đầu ra IV.1c
		Bài tập cá nhân hoặc nhóm	15	
		Giữa kỳ	30	
		Cuối kỳ	50	
Chuẩn đầu ra b (nhận thức được chức năng ngữ pháp-vị trí của tính từ)	-Thuyết giảng và đưa ví dụ minh họa -Xây dựng một số câu hỏi, đồ vui hoặc thảo luận	Bài tập cá nhân hoặc nhóm	20	Chuẩn đầu ra IV.1c
		Giữa kỳ	30	

Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Phương pháp kiểm tra, đánh giá sinh viên		Chuẩn đầu ra CTĐT
		Phương pháp	Tỷ trọng (%)	
từ và phó từ trong câu)	luận có liên quan đến điểm ngữ pháp của bài	Cuối kỳ	50	
Chuẩn đầu ra c (Phân biệt một số tính từ và phó từ dễ gây nhầm lẫn)	- Xây dựng một số câu hỏi, đồ vui hoặc thảo luận có liên quan đến điểm ngữ pháp của bài -Thuyết giảng và đưa ví dụ minh họa	Bài tập cá nhân hoặc nhóm.	20	Chuẩn đầu ra IV.1c; VI.3
		Giữa kỳ	30	
		Cuối kỳ	50	
Chuẩn đầu ra d (Phân tích và giải thích được một số điểm ngữ pháp cơ bản có liên quan đến động từ, tính từ và phó từ)	-Xây dựng một số câu hỏi, đồ vui hoặc thảo luận có liên quan đến điểm ngữ pháp của bài -Thuyết giảng và đưa ví dụ minh họa	Trả lời miệng	20	Chuẩn đầu ra IV.1c; VI.3
		Giữa kỳ	30	
		Cuối kỳ	50	
Chuẩn đầu ra e (Vận dụng động từ, tính từ, và phó từ một cách chính xác vào hoàn cảnh cụ thể)	Bài tập cá nhân và bài tập nhóm, dưới hai hình thức cơ bản: viết và nói. (SV sử dụng điểm ngữ pháp đã học vào việc viết câu; thực hành đàm thoại ngắn ngay tại lớp)	Trả lời miệng	20	Chuẩn đầu ra V.1a; V.2c; VI.3
		Giữa kỳ	30	
		Cuối kỳ	50	

10. Tài liệu phục vụ môn học

10.1 Sách/Giáo trình chính (ghi rõ tên sách, tác giả, NXB, năm XB)

Nguyen, D.T.(2013).*Mindmap English Grammar*.HCMC:First News.

10.2 Sách/giáo trình tham khảo

1. Vince, M.(2009).*First Certificate Language Practice: English grammar and vocabulary*,(4th, ed.).NY: Macmillan.
2. Vince, M.(2009).*Intermediate Language Practice*,(3th, ed.).NY: Macmillan.

10.3 Tư liệu trực tuyến

Sinh viên có thể vào các website sau đây để tìm tư liệu liên quan đến môn học:

<https://owl.english.purdue.edu/exercises/2/>

<https://www.usingenglish.com/quizzes/>

11. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Yêu cầu chung

Để hoàn tất (“đạt”) học phần này, sinh viên phải:

- Đạt điểm tổng hợp sau khi kết thúc thi học kỳ lần 1 là 5 điểm;
- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu đánh giá môn học theo trọng số của các điểm thành phần như sau:

Chuyên cần	: 20%
Gồm:	
+ Tham dự lớp học đầy đủ	: 10%
+ Phát biểu	: 5%
+ Bài tập	: 5%
Kiểm tra giữa kỳ	: 30%
Kiểm tra cuối kỳ	: 50%

Xếp loại đánh giá: Xếp loại theo quy chế 25

Hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm

Kiểm tra giữa kỳ: hình thức thi, thời gian làm bài thi

Nội dung học phần	Câu hỏi/nội dung đánh giá	Mức độ đạt của lĩnh vực đánh giá			Điểm
		Hiểu biết vấn đề	Phân tích vấn đề	Ứng dụng	
		Điểm đánh giá	Điểm đánh giá	Điểm đánh giá	
Verb Forms	Hiểu biết và sử dụng đúng các dạng động từ thêm -ing; động từ nguyên mẫu có “to”; động từ nguyên mẫu không “to”; hiện tại phân từ và quá khứ phân từ.	1	0	1	2
Verb Tenses	Hiểu biết và sử dụng đúng các thì cơ bản và hay được sử dụng trong giao tiếp hằng ngày.	1	0	1	2
Modal Verbs	Hiểu biết và sử dụng	1	0	1	2

	đúng các động từ khiếm khuyết hay được dùng trong giao tiếp hằng ngày.				
Tag Questions	Hiểu biết và sử dụng đúng dạng và công dụng câu hỏi đuôi.	1	0	1	2
Subjunctive mood	Hiểu biết và sử dụng được một số cấu trúc như: present subjunctive mood và past subjunctive mood vào hoàn cảnh cụ thể.	0,5	0	0,5	1
Conditional sentences	Hiểu biết và sử dụng đúng câu điều kiện vào hoàn cảnh cụ thể.	0,5	0	0,5	1
Tổng cộng		5	0	5	10

Thi kết thúc học phần: hình thức thi, thời gian làm bài thi

Nội dung học phần	Câu hỏi/nội dung đánh giá	Mức độ đạt của lĩnh vực đánh giá			Điểm
		Hiểu biết vấn đề	Phân tích vấn đề	Ứng dụng	
		Điểm đánh giá	Điểm đánh giá	Điểm đánh giá	
Tag questions	Hiểu biết và sử dụng đúng dạng và công dụng câu hỏi đuôi.	0,5	0	0,5	1
Passive Voice	Hiểu biết, sử dụng đúng câu bị động, và phân biệt được những câu nào sử dụng sai dạng bị động.	0,5	1	1	2,5
Adjectives	Hiểu biết và sử dụng đúng tính từ vào hoàn cảnh cụ thể.	1	0	1	2
Adverbs	Hiểu biết và sử dụng đúng phó từ vào hoàn cảnh cụ thể.	1	0	1	2
Comparisons	Hiểu biết, sử dụng đúng một số cấu trúc so sánh với tính từ và phó từ. Đồng thời, biết phân biệt được một số câu sử dụng sai phép so sánh.	0,5	1	1	2,5
Tổng cộng		3,5	2	4,5	10

12. Yêu cầu của môn học

Sinh viên nên tham dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài tập kỹ năng ở nhà để tự củng cố kiến thức cho bản thân. Sinh viên cần nghiêm túc thực hiện bài tập GV giao trên lớp, bài kiểm tra giữa kỳ, và bài thi kết thúc học phần. Sinh viên vi phạm quy chế thi trong kỳ kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ sẽ không được chấm bài thi và mặc nhiên được chấm điểm 0 cho bài thi đó.

Về nội dung. Môn học Ngữ pháp 2 (Grammar 2) nhằm trang bị cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh những kiến thức cơ bản về sử dụng động từ, tính từ, và phó từ trong câu. Chương trình học bao gồm các nội dung sau đây: (1) ôn tập về danh động từ, động từ nguyên mẫu, hiện tại phân từ và quá khứ phân từ; (2) ôn tập về thì; (3) động từ khiếm khuyết; (4) mệnh lệnh cách và giả định cách; (5) câu điều kiện; (6) câu hỏi đuôi; (7) thể bị động; (8) tính từ; (9) phó từ; (10) phép so sánh với tính từ và phó từ. Các nội dung này được trao đổi trong 14 tuần học theo lịch học cụ thể mô tả bên dưới.

Về hoạt động học tập. Ngoài các bài giảng và thảo luận trong lớp, môn học còn có 1 bài thi giữa học phần (tuần số 7) và 3 bài tập cá nhân (làm tại lớp lấy điểm; vào các tuần 3, 5 và 10)

Bài thi giữa học phần làm tại lớp vào **tuần thứ 7** nhằm giúp sinh viên ôn tập lại những kiến thức đã học trong 6 tuần làm cơ sở cho các nội dung sẽ tiếp tục học trong các tuần còn lại. Bài kiểm tra sẽ được thực hiện trong **60 phút**, dưới hình thức thi viết đáp án và sinh viên không được sử dụng tài liệu. Nội dung ôn tập kiểm tra giữa học phần sẽ được trình bày trong giờ học cuối của **tuần thứ 6**. Sinh viên vắng thi kiểm tra giữa học phần không có lý do chính đáng sẽ bị **điểm 0**. Những sinh viên vắng thi có lý do chính đáng sẽ được thi bổ sung.

Các bài tập ngữ pháp có lấy điểm sẽ được thực hiện trong quá trình học, sau khi kết thúc nội dung của từng phần học cụ thể. Đề bài của các bài tập này đã có sẵn trong giáo trình môn học và một số bài tập cần làm tại lớp trong quá trình học. Sinh viên cần đọc và làm bài tập đã cho trước khi đến lớp (xem lịch học cụ thể).

Bài thi kết thúc học phần sẽ được thực hiện trong **90 phút** bao gồm các câu hỏi điền từ, nhận diện câu đúng-câu sai, chỉnh sửa câu và trắc nghiệm liên quan đến tất cả các nội dung đã được học trong 14 tuần. Nội dung thi sẽ được ôn tập trong hai tuần cuối của khóa học: **tuần thứ 13 và 14**.

13. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1: Review of Verb Forms (Ôn tập các dạng của động từ) (3 giờ)

1. Gerund
2. Infinitive
3. Present and Past Participle

Bài 2: Review of Verb Tenses (Ôn tập về thì) (3 giờ)

Bài 3: Modal or Defective Verbs (Động từ khiếm khuyết) (3 giờ)

Bài 4: Tag Questions (Câu hỏi đuôi) (3 giờ)

Bài 5: Subjunctive Mood (Giả định cách) (3 giờ)

1. Present Subjunctive Mood
2. Past Subjunctive Mood

Bài 6: Conditional sentences (Câu điều kiện) (3 giờ)

Bài 7: Passive Voice (Thế bị động) (4 giờ)

Bài 8: Adjectives (Tính từ) (3 giờ)

Bài 9: Adverbs (Phó từ) (3 giờ)

Bài 10: Comparisons (Phép so sánh) (6 giờ)

Ôn tập cuối khóa (4 giờ)

14. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể

Buổi/Tuần/ ngày	Số giờ trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học hoặc nhiệm vụ của sinh viên	Tài liệu cần đọc
Buổi 1 (tuần số 1: từ 13/2- 18/2/2017)	3	Bài số 1: Ôn tập các dạng của động từ 1. Gerund (V+ing) 2. Infinitive 2.1. Full infinitive (to+V _o) 2.2. Bare or zero infinitive (V _o) 3. Present Participle (V+ing) 4. Past Participle (V _{3/ed})	Sinh viên làm bài tập cá nhân Giảng viên đặt câu hỏi Sinh viên thảo luận nhóm Sinh viên nêu thắc mắc Giảng viên giải đáp	* <i>Mindmap English Grammar:</i> Chương 4: Động từ (từ trang 64 tới 75) * <i>Tham khảo:</i> + <i>Intermediate Language Practice</i> Phần Grammar 42 và 43 (từ trang 170 tới 178)
Buổi 2 (tuần số 2: từ 20/2- 25/2/2017)	3	Bài số 2: Ôn tập thì 1. Present tenses 2. Past tenses 3. Future tenses	Sinh viên làm bài tập cá nhân Giảng viên đặt câu hỏi Sinh viên thảo luận nhóm Sinh viên nêu thắc mắc Giảng viên giải đáp	+ <i>Mindmap English Grammar:</i> Chương 5: Cá phần chính của động từ (từ trang 86 tới 101) * <i>Tham khảo:</i> + <i>First Certificate Language Practice</i> -Phần

Buổi/Tuần/ ngày	Số giờ trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học hoặc nhiệm vụ của sinh viên	Tài liệu cần đọc
				Grammar 1 tới Grammar 4 (từ trang 1 tới 23) -Phần Consolidation 1 (trang 24 tới 28)
Buổi 3 (tuần số 3: từ 27/2- 4/3/2017)	3	Bài số 3: Động từ khiếm khuyết (Modal or Defective Verbs) 1. Present 2. Past	Giảng viên thuyết giảng và đặt câu hỏi Sinh viên thảo luận nhóm và trả lời Sinh viên nêu thắc mắc Giảng viên giải đáp Sinh viên thực hành sử dụng động từ khiếm khuyết vào bài đối thoại ngắn	* <i>Mindmap English Grammar:</i> Chương 4: Động từ (từ trang 77 tới 78) * <i>Tham khảo:</i> + <i>First Certificate Language Practice</i> Phần Grammar 13 và Grammar 14 (từ trang 90 tới trang 101) + <i>Intermediate Language Practice</i> Phần Grammar 18 và Grammar 19 (từ trang 69 tới 77) +SV đọc thêm tài liệu GV tổng hợp
Buổi 4 (tuần số 4: từ 6/3- 11/3/2017)	3	Bài số 4: Câu hỏi đuôi (Tag questions) 1. Common cases 2. Special cases	Giảng viên thuyết giảng và đặt câu hỏi Sinh viên thảo luận nhóm và trả lời Sinh viên nêu thắc mắc	* <i>Mindmap English Grammar:</i> Phụ lục 4: Câu hỏi đuôi (từ trang 191 tới 199) * <i>Tham khảo:</i>

Buổi/Tuần/ ngày	Số giờ trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học hoặc nhiệm vụ của sinh viên	Tài liệu cần đọc
			<p>Giảng viên giải đáp</p> <p>Sinh viên thực hành sử dụng động từ khiếm khuyết vào bài đối thoại ngắn</p> <p>Sinh viên làm bài tập cá nhân, dạng điền khuyết</p>	<p>+<i>Intermediate Language Practice</i> Phần Grammar 28 (từ trang 109 tới trang 113)</p> <p>+SV đọc thêm tài liệu GV tổng hợp</p>
Buổi 5 (tuần số 5: từ 13/3- 18/3/2017)	3	Bài số 5: Giả định cách (Subjunctive mood) 1. Present 2. Past	<p>Giảng viên thuyết giảng và đặt câu hỏi</p> <p>Sinh viên thảo luận nhóm và trả lời</p> <p>Sinh viên nêu thắc mắc</p> <p>Giảng viên giải đáp</p> <p>Sinh viên thực hành sử dụng động từ khiếm khuyết vào bài đối thoại ngắn</p> <p>Sinh viên làm bài tập cá nhân, dạng điền khuyết</p>	<p>*<i>Mindmap English Grammar:</i> Chương 5: Các phần chính của động từ (từ trang 103 tới 104)</p> <p>*<i>Tham khảo:</i></p> <p>+<i>First Certificate Language Practice</i> Phần Grammar 7 (từ trang 42 tới trang 47)</p> <p>+<i>Intermediate Language Practice</i> Phần Grammar 15 (từ trang 58 tới trang 60)</p> <p>+SV đọc thêm tài liệu GV tổng hợp</p>
Buổi 6	3	Bài số 6: Câu điều kiện	Sinh viên làm bài	+ <i>Mindmap</i>

Buổi/Tuần/ ngày	Số giờ trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học hoặc nhiệm vụ của sinh viên	Tài liệu cần đọc
(tuần số 6: từ 20/3- 25/3/2017)		<p>(Conditional sentences)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Real in the present/ future 2. Unreal in the present/ future 3. Unreal in the past 4. Mixed conditions 	<p>tập cá nhân, dạng điền khuyết</p> <p>Giảng viên đặt câu hỏi thảo luận nhóm</p> <p>Sinh viên trả lời và nêu thắc mắc</p> <p>Giảng viên giải đáp thắc mắc</p> <p>Sinh viên thực hành sử dụng câu điều kiện vào hoàn cảnh thực tế</p>	<p><i>English Grammar:</i> Phụ lục 2: Câu điều kiện (trang 182)</p> <p><i>*Tham khảo:</i></p> <p>+<i>First Certificate Language Practice</i> Phần Grammar 6 (từ trang 36 tới trang 41)</p> <p>+<i>Intermediate Language Practice</i> Phần Grammar 13 và Grammar 14 (từ trang 50 tới trang 57)</p> <p>+SV đọc thêm tài liệu GV tổng hợp</p>
<p>Buổi 7 (tuần số 7: từ 27/3- 1/4/2017)</p>	<p>3</p>	<p>Kiểm tra giữa kỳ (60 phút)</p> <p>Bài số 7: Thể bị động (Passive Voice)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Common cases 	<p>SV sau khi kiểm tra giữa kỳ xong, giảng viên trình bày ngắn gọn và cho SV thảo luận nhóm. Sau đó, làm bài tập cá nhân, dạng điền khuyết về thể bị động.</p>	<p><i>*Mindmap English Grammar:</i> Chương 5: Các phần chính của động từ (từ trang 105 tới trang 108)</p> <p><i>*Tham khảo:</i></p> <p>+<i>Intermediate Language Practice</i> Phần Grammar 16 và Grammar</p>

Buổi/Tuần/ ngày	Số giờ trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học hoặc nhiệm vụ của sinh viên	Tài liệu cần đọc
				17 (từ trang 61 tới trang 68) +SV đọc thêm tài liệu GV tổng hợp
Buổi 8 (tuần số 8: từ 3/4- 8/4/2017)	3	Bài số 7: Thể bị động (Passive Voice) 2. Some special cases	Giảng viên đặt câu hỏi thảo luận nhóm Sinh viên trả lời và nêu thắc mắc Giảng viên giải đáp thắc mắc Sinh viên thực hành sử dụng câu điều kiện vào hoàn cảnh thực tế Sinh viên nhận diện một số lỗi có liên quan đến thể bị động	* <i>Tham khảo:</i> + <i>Intermediate Language Practice</i> Phần Grammar 16 và Grammar 17 (từ trang 61 tới trang 68) +SV đọc thêm tài liệu GV tổng hợp
Buổi 9 (tuần số 9: từ 10/4- 15/4/2017)	3	Bài số 8: Tính từ (Adjectives) 1. Definition 2. Grammatical functions 3. Some confusing adjectives	Giảng viên đặt câu hỏi thảo luận nhóm Sinh viên trả lời và nêu thắc mắc Giảng viên giải đáp thắc mắc Sinh viên thực hành sử dụng tính từ vào hoàn cảnh thực tế Sinh viên thảo	* <i>Mindmap English Grammar:</i> Chương 6: Tính từ (trang 109 tới 116) * <i>Tham khảo:</i> + <i>Intermediate Language Practice</i> Phần Grammar 37 (từ trang 146 tới trang 150)

Buổi/Tuần/ ngày	Số giờ trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học hoặc nhiệm vụ của sinh viên	Tài liệu cần đọc
			luận nhóm để phân biệt một số tính từ hay nhằm lẫn thường gặp	+SV đọc thêm tài liệu GV tổng hợp
Buổi 10 (tuần số 10: từ 17/4- 22/4/2017)	3	Bài số 9: Phó từ (Adverbs) 1. Definition 2. Grammatical functions 3. Some confusing adverbs	Giảng viên đặt câu hỏi thảo luận nhóm Sinh viên trả lời và nêu thắc mắc Giảng viên giải đáp thắc mắc Sinh viên thực hành sử dụng phó từ vào hoàn cảnh thực tế Sinh viên thảo luận nhóm để phân biệt một số phó từ hay nhằm lẫn thường gặp	* <i>Mindmap English Grammar:</i> Chương 7: Phó từ (trang 117 tới 122) * <i>Tham khảo:</i> + <i>Intermediate Language Practice</i> Phần Grammar 37 (từ trang 146 tới trang 150) +SV đọc thêm tài liệu GV tổng hợp
Buổi 11 (tuần số 11: từ 24/4- 29/4/2017)	3	Bài số 10: Phép so sánh (Comparisons) 1. Equal comparison 2. Comparative comparison	Giảng viên đặt câu hỏi thảo luận nhóm Sinh viên trả lời và nêu thắc mắc Giảng viên giải đáp thắc mắc Sinh viên thực hành sử dụng phép so sánh bằng và hơn vào hoàn cảnh thực tế Sinh viên nhận	* <i>Mindmap English Grammar:</i> Phụ lục 5 (từ trang 200 tới 206) * <i>Tham khảo:</i> + <i>Intermediate Language Practice</i> Phần Grammar 38 (từ trang 151 tới trang 155) +SV đọc thêm tài liệu GV

Buổi/Tuần/ ngày	Số giờ trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học hoặc nhiệm vụ của sinh viên	Tài liệu cần đọc
			diện một số lỗi có liên quan đến so sánh bằng và hơn	tổng hợp
Buổi 12 (tuần số 12: từ 1/5- 6/5/2017)	3	Bài số 10: Phép so sánh (Comparisons) (tiếp theo) 3. Superlative comparison 4. Double comparison	Giảng viên đặt câu hỏi thảo luận nhóm Sinh viên trả lời và nêu thắc mắc Giảng viên giải đáp thắc mắc Sinh viên thực hành sử dụng phép so sánh nhất và kép vào hoàn cảnh thực tế Sinh viên nhận diện một số lỗi có liên quan đến so sánh nhất và kép	* <i>Mindmap English Grammar:</i> Phụ lục 5 và 6 (từ trang 205 tới 211) * <i>Tham khảo:</i> + <i>Intermediate Language Practice</i> Phần Grammar 38 (từ trang 151 tới trang 155) +SV đọc thêm tài liệu GV tổng hợp
Buổi 13 (tuần số 13: từ 8/5- 13/5/2017)	2	Ôn tập cuối khóa (Final review) -Passive Voice -Tag questions	Giảng viên gợi ý ôn tập cho kỳ thi cuối kỳ SV hoàn tất một số bài tập cá nhân SV đặt câu hỏi cho giảng viên giải đáp	+SV đọc thêm tài liệu GV tổng hợp
Buổi 14 (tuần số 14: từ 15/5- 20/5/2017)	2	Ôn tập cuối khóa (Final review) -Adjectives and Adverbs -Comparisons	Sinh viên hoàn tất nội dung ôn tập Giảng viên tổng kết điểm chuyên cần và nhắc lại điểm giữa kỳ cho	+SV đọc thêm tài liệu GV tổng hợp

Buổi/Tuần/ ngày	Số giờ trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học hoặc nhiệm vụ của sinh viên	Tài liệu cần đọc
			SV nắm rõ	

Đề cương được cập nhật ngày: 13/02/2017

Trưởng Bộ môn

Giảng viên biên soạn

ThS. HUỲNH LÊ PHƯƠNG CƠ

**PHAN HỮU HẠNH &
ĐƯỜNG THANH HÙNG ĐỨC**